

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SĨ THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TY03022: CHÂM CỨU THÚ Y (Veterinary Acupuncture)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
Tín chỉ: 2 (**Lý thuyết 1,5 – Thực hành 0,5 - Tự học 6**)
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập
 - +Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Thực hành: 8 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Giải phẫu – Tổ chức – Phôi thai học
 - Khoa: Thủ y
- Giờ tự học: 90 tiết
- Học phần thuộc khối kiến thức:

| Đại cương <input type="checkbox"/> | | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> | | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> | |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|---------|
| Bắt buộc | Tự chọn | Bắt buộc | Tự chọn | Bắt buộc | Tự chọn |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | X |

- Học phần song hành:
- Học phần tiên quyết: Giải phẫu vật nuôi 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

| | |
|--|--|
| Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể: | Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo |
| Kiến thức chung | |

| Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể: | Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo |
|--|--|
| Kiến thức chuyên môn | |
| CĐR 4: Thiết kế các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, các quy trình phòng chống dịch bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định. | 4.1. Thiết kế các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi |
| Kỹ năng chung | |
| CĐR 5: Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề một cách hiệu quả. | 5.4 Thể hiện ý tưởng khác biệt, sáng tạo khi giải quyết vấn đề |
| Kỹ năng chuyên môn | |
| CĐR 8: Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, phòng chống dịch bệnh cho động vật. | 8.1. Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng |
| CĐR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra. | 10.2. Sử dụng các trang thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| CĐR 12: Tuân thủ qui định và luật pháp, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp. | 12.2. Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp của bác sĩ thú y |

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

***Mục tiêu:** : Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chuyên môn về châm cứu thú y bao gồm : ứng dụng các học thuyết của y học phương đông và lý luận y học hiện đại, xác định được vị trí các huyệt, các đường kinh trong cơ thể vật nuôi; ứng dụng được các phương pháp (châm, cứu, điện châm, thủy châm) để phân tích, chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi. Giúp sinh viên nhận thức rõ trách nhiệm về tính cẩn thận, tỷ mỷ, giữ gìn đạo đức của bác sĩ thú y trong quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi bằng châm cứu.* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ I, P, R, M

| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT | | | | |
|---------|-------------------|---|-----|-----|------|------|
| | | 4.1 | 5.4 | 8.1 | 10.2 | 12.2 |
| TY03022 | Châm cứu thú y | R | R | R | R | R |

| Ký hiệu | KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được | CĐR của CTĐT |
|--------------------------------|--|--------------|
| Kiến thức | | |
| K1 | Xây dựng các phương pháp điều trị bệnh cho vật nuôi bằng châm cứu | 4.1 |
| Kỹ năng | | |
| K2 | Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo để phân tích vai trò của các đường kinh trong việc xác định đơn huyệt trong dùng châm cứu điều trị bệnh vật nuôi | 5.4 |
| K3 | Thực hiện thành thạo xác định các huyệt và đường kinh trong điều trị vật nuôi. | 8.1 |
| K4 | Sử dụng các Phương pháp châm cứu (Châm. Cứu, Điện châm, Thủy châm) để điều trị bệnh vật nuôi. | 10.2 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | | |
| K5 | Giữ gìn đạo đức Bác sĩ Thú y trong thực hiện châm cứu chữa bệnh vật nuôi | 12.2 |

IV. Nội dung tóm tắt của học phần (Không quá 100 từ)

TY03022.Châm cứu Thú y (Veterinary Acupuncture). (2TC :1,5-0,5-6)

Nội dung : Học phần gồm các kiến thức: Lý luận về y học cổ truyền phương đông; Cơ chế tác dụng của châm cứu theo y học hiện đại ; Các huyệt châm cứu trên từng đối tượng vật nuôi; Các phương pháp điều trị gồm châm, cứu, điện châm, thủy châm; Các đơn huyệt điều trị bệnh trên các đối tượng vật nuôi và Thực hành trên các ca bệnh điển hình đặc biệt là trên thú nhỏ. **Phương pháp giảng dạy :** Sinh viên nghe giảng lý thuyết trên lớp, tham gia thực hành môn học tại phòng thực hành của bộ môn, kết hợp với học lý thuyết và thực hành sinh viên tự học tại nhà. **Phương pháp đánh giá :** Chuyên cần (10%); Thực hành (30%); Thi cuối kỳ (60%).

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

| KQHTMD PPGD | K1 | K2 | K3 | K4 | K5 |
|----------------|----|----|----|----|----|
| Thuyết trình | x | | | | |
| Thực hành | | x | x | x | x |

2. Phương pháp học tập

Nghe giảng và thảo luận

Thực hành

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Tham gia các buổi lên lớp lý thuyết theo quy định chung
- + Bắt buộc tham dự tất cả các giờ thực tập/thực hành
- + Đọc tài liệu trước các giờ học lý thuyết và giờ thực hành.
- + Hoàn thành các nội dung thực hành
- + Chủ động xây dựng kế hoạch, phối hợp làm việc nhóm

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

Rubic 1: Điểm chuyên cần 10%

Rubic 2: Điểm đánh giá thực hành 30%

Rubic 3: Điểm kiểm tra cuối kì 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

| KQHTMĐ | K1 | K2 | K3 | K4 | K5 | Thời gian/tuần học |
|----------------------------------|----|----|----|----|----|-------------------------------|
| Đánh giá quá trình (40%) | | | | | | |
| Rubic 1. Chuyên cần (10%) | x | x | x | x | x | Tuần 1-10 |
| Rubic 2. Thực hành (30%) | | | x | | x | Tuần 8-9 |
| Đánh giá cuối kì (60%) | | | | | | |
| Rubic 3. Thi cuối kì (60%) | x | | | | | Theo lịch thi của Học viện |

| Rubric đánh giá | Nội dung/Tiêu chí đánh giá | KQHTMĐ được đánh giá | Trọng số (%) | Thời gian/Tuần học |
|---------------------------|---|-------------------------|-----------------|--------------------------|
| Chuyên cần | | | | 10 |
| Quan sát | Tích cực tham gia trên lớp | K1, K2, K3, K4, K5 | 7 | |
| Bài tập | Chuẩn bị bài ở nhà | K1, K2, K3, K4, K5 | 3 | |
| Đánh giá quá trình | | | | 30 |
| Thực hành | Bắt buộc tham dự 100% số giờ Thi thực hành | K2, K3, K4, K5 | 30 | |
| Cuối kì | | | | 60 |
| Thi hết HP | | K1 | 60 | |

Rubric 1: đánh giá chuyên cần (10%)

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém 0% |
|-------------------|--------------|---|----------------------------|---|----------------------------|
| Thái độ tham dự | 50 | Chủ động, đúng giờ, tích cực trả lời câu hỏi | Chú ý, trả lời tốt câu hỏi | Có chú ý, không tham gia thảo luận và trả lời câu hỏi | Không chú ý/không tham gia |
| Thời gian tham dự | 50 | SV tham gia 80% số buổi trở lên thì được đú 50%; vắng 1 buổi không lý do chính đáng bị trừ 10%. | | | |

Rubric 2: Đánh giá thực hành (30%)

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém 0% |
|-------------------|--------------|----------------------------------|--------------------------------------|--|--|
| Thái độ tham dự | 20 | Tích cực học và trao đổi | Có tham gia thảo luận | Ít tham gia thảo luận | Không tham gia thảo luận |
| Kết quả thực hành | 40 | Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu | Đáp ứng phần lớn yêu cầu | Đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, | Kết quả không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu |
| | 40 | Giải thích và chứng minh rõ ràng | Giải thích và chứng minh khá rõ ràng | Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng | Giải thích và chứng minh không rõ ràng |

Rubric 3 : Đánh giá cuối kì (60%)

Thi cuối kì: dạng bài thi tự luận

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi dành cho thi cuối kỳ

| KQHTMĐ | Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ |
|--------|---|
| K1 | Chỉ báo 1 : Xây dựng đơn huyệt sử dụng trong điều trị bệnh dựa vào học thuyết về y học cổ truyền và cơ chế châm cứu. Chỉ báo 2: Xây dựng phác đồ điều trị bệnh bằng châm cứu Chỉ báo 3: Xây dựng các bước thực hiện phác đồ điều trị bệnh |

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng: (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình)

- Giáo trình, bài giảng

+ Phạm Thị Xuân Vân. Bài giảng Châm cứu Thú y.

- Tài liệu tham khảo:

+ Phạm Thị Xuân Vân. Giáo trình giải phẫu gia súc. Nhà xuất bản Nông nghiệp., 1982

+ Phạm Thị Xuân Vân, Trần Duy Ty, Phạm Văn Tự. Giáo trình Giải phẫu gia súc – Phần II: Giải phẫu cục bộ. Nhà xuất bản Nông nghiệp 1992.

+ Yu Chuan. Traditional Chinese Veterinary Accupuncture and Moxibustion. China Agriculture Press, 1995.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

| Tuần | Nội dung | KQHTMĐ của học phần |
|---|--|----------------------------|
| 1 | Chương 1: Lý luận y học cổ truyền (3 tiết) | |
| | A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 1.1. Học thuyết âm dương 1.2. Học thuyết ngũ hành 1.3. Học thuyết tạng tượng 1.4. Học thuyết kinh lạc | K1 |
| | B/ Các nội dung tự học ở nhà (9 tiết) Thể nào khái niệm Âm, Dương; Ngũ hành; Kinh lạc Tìm và cho ví dụ về âm dương | |
| 2 | Chương 2: Cơ chế tác dụng của châm cứu theo lý luận của y học hiện đại (3 tiết) | |
| | A/ Các nội dung chính học trên lớp (3 tiết) 2.1. Một số vấn đề về hoạt động thần kinh 2.2. Vai trò của thể dịch nội tiết và các chất trung gian thần kinh 2.3. Cơ chế châm cứu theo y học hiện đại B/Các nội dung tự học ở nhà (9 tiết) 1) Ôn lại các tiết đoạn thần kinh; chất trung gian thần kinh 2) Khái niệm về nội tiết và vai trò trong điều hòa hoạt động của cơ thể | K1 |
| 3 | Chương 3: Kỹ thuật châm và cứu (10 tiết) | |
| | A/ Các nội dung chính trên lớp (10 tiết) 3.1. Kỹ thuật châm 3.2. Kỹ thuật cứu 3.3. Các phương pháp châm khác Thực hành: 4 tiết B/ Các nội dung tự học tại nhà (42 tiết) 1) Kỹ thuật châm đắc khí 2) Kỹ thuật châm kim, vê kim 3) Tìm hiểu thuốc tiêm bắp 4) Cơ chế sử dụng máy điện châm 5) Kỹ thuật tiêm thuốc vào huyệt | K1 K2 K3 K4 K5 |
| 4 | Chương 4. Vị trí huyệt châm cứu (3 tiết) | |
| A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 4.1. Vị trí các huyệt châm cứu trên bò 4.2. Vị trí các huyệt châm cứu trên lợn | K1 K2 | |

5

| | | |
|---|--|----------------------------|
| | 4.3 Vị trí các huyệt châm cứu trên chó Thực hành: 2,5 tiết B/ Các nội dung tự học ở nhà (16,5 tiết) 1) Ôn lại vị trí giải phẫu các huyệt trên lợn, chó, trâu bò. 2) Cách xác định huyệt 3) Vẽ sơ đồ huyệt vị trên cơ thể bò, lợn, chó | K3 K4 K5 |
| 5 | Chương 5 . Điều trị bằng châm cứu (3 tiết) | |
| | A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 5.1. Cấp cứu 5.2. Bệnh thuộc hệ vận động 5.3. Bệnh về tiêu hóa 5.4. Bệnh tiết niệu – sinh dục Thực hành: (1,5 tiết) B/ Các nội dung tự học tại nhà (13,5 tiết) 1) Ôn lại cơ chế sinh bệnh tại đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, thần kinh. 2) Tác dụng của các đơn huyệt trong điều trị các bệnh của vật nuôi | K1 K2 K3 K4 K5 |

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- + Giảng đường có thiết bị phục vụ trình chiếu
- + Bố trí nhóm thực hành không quá 25 sinh viên/nhóm
- + Đầy đủ động vật cho thực hành
- + Đủ dụng cụ và thuốc cho thực hành

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Lại Thị Lan Hương

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Văn Anh Đào

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Đình Thâu

DUYỆT CỦA HỌC VIỆN

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

| | |
|--|----------------------------------|
| Họ và tên: Trịnh Đình Thâu | Học hàm, học vị: PGS Tiến sĩ |
| Địa chỉ cơ quan:: Khoa Thú y Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Điện thoại liên hệ: 091 279 5963 |
| Email: tdthau@vnu.edu.vn | Trang web: |
| Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng) | |

Giảng viên 2

| | |
|--|--------------------------------|
| Họ và tên: Nguyễn Bá Tiếp | Học hàm, học vị: Tiến sĩ |
| Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Điện thoại liên hệ: 0912659325 |
| Email: nbtiep@vnu.edu.vn | Trang web: |
| Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng) | |

Giảng viên 3 (mời giảng)

| | |
|--|--------------------------------|
| Họ và tên: Phạm Thị Xuân Vân | Học hàm, học vị: PGS Tiến sĩ |
| Địa chỉ cơ quan: | Điện thoại liên hệ: 0369788522 |
| Email: | Trang web: |
| Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng) | |

CÁC ĐỢT CẢI TIẾN

Lần 1: 7/2017 : Cập nhật tài liệu tham khảo

Lần 2 : 7/2018 : Bổ sung và cập nhật bài giảng chương 2

Lần 3: 7/2019 : Sử dụng hệ thống MS - Team trong giảng dạy online

Lần 4 : 7/2020 : Sử dụng hệ thống MS - Team trong giảng dạy online

Lần 5: 7/2021 : Bổ sung và cập nhật bài giảng

Lần 6: 7/2022 : Bổ sung và cập nhật bài giảng